

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2026/DS-PT**
Ngày 20/3/2026
V/v “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Thuỷ.
Các Thẩm phán: Bà Ma Thị Tuyết Mai, ông Triệu Ngọc Thức;
- Thư ký phiên toà: Ông Lê Hồng Phong - Thẩm tra viên, Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Đào Thị Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 và ngày 20 tháng 03 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 71/2025/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 203/2025/DS-ST, ngày 30/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 85/2025/QĐ-PT, ngày 23/12/2025; Quyết định hoãn phiên toà phúc thẩm số 03/2026/QĐ-PT ngày 09/01/2026; Quyết tạm ngừng phiên toà số 05/2026/QĐ-PT ngày 30/01/2026 Quyết định Tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm số 04/QĐ-PT ngày 02/3/2026; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 02/QĐ-PT ngày 10/3/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị B, sinh năm 1958. CCCD 008158000350.

Địa chỉ: Số nhà 42, tổ dân phố 02, phường N. T, tỉnh Tuyên Quang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Vũ Thị B là: Bà Hoàng Kim Th, sinh năm 1961- Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư số 54, Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Số nhà 253, đường Tr, tổ dân phố P. T11, phường M. X, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1989. CCCD 008089008490.

Địa chỉ: Số nhà 05, tổ dân phố 11, phường N. T, tỉnh Tuyên Quang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Vũ Thị Q, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Xóm V 1, xã X. V, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Vũ Đình Nh, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tổ dân phố 09, phường N. T, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Vũ Thị Ch, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Xóm S. H 4, xã X. V, tỉnh Tuyên Quang

- Ông Vũ Đình Kh, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số nhà 46, tổ dân phố 02, phường N. T, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Vũ Thị Gi, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số nhà 13, tổ dân phố 02, phường N. T, tỉnh Tuyên Quang.

- Anh Vũ Đình L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm 13, xã T. L, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Vũ Đình X, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Xóm 13, xã T. L, tỉnh Tuyên Quang.

+ *Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn anh Vũ Văn H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Q, bà Vũ Thị Ch, ông Vũ Đình X là: Bà Nguyễn Thanh D, sinh năm: 1970;*

Địa chỉ thường trú tại: Tổ dân phố P. T7, phường M. X, tỉnh Tuyên Quang.

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là anh Vũ Văn H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Q, bà Vũ Thị Ch, ông Vũ Đình X là: Luật sư Ngụy Thị Kh, Luật sư Nguyễn Tuấn Ph, và Luật sư Nguyễn Thu V - Công ty Luật TNHH Khang Phát và cộng sự - Chi nhánh Tuyên Quang.*

Địa chỉ: Số nhà 423, Đường Q. Tr, tổ dân phố P. T16, phường M. X, tỉnh Tuyên Quang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn anh Vũ Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Q, bà Vũ Thị Ch, ông Vũ Đình X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên toà cấp sơ thẩm nội dung vụ án như sau: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải; quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị B trình bày: Bố bà là ông Vũ Đình M, sinh năm 1925, đã chết năm 2022 đăng ký khai tử số 10, ngày 21/02/2022 tại UBND xã T. L, huyện Y. S, tỉnh Tuyên Quang, mẹ bà là Vũ Thị C, sinh năm 1926 chết năm

2000, đăng ký khai tử số 65, ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại UBND phường N. T, thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang.

Ông Vũ Đình M và bà Vũ Thị C sinh được tổng cộng 08 người con, gồm: Ông Vũ Đình N, sinh năm 1952 đã chết năm 1987 (có con trai là Vũ Đình L, sinh năm 1982); bà Vũ Thị B, sinh năm 1958; bà Vũ Thị Q, sinh năm 1958; ông Vũ Đình X, sinh năm 1960; ông Vũ Đình Nh, sinh năm 1962; ông Vũ Đình Kh, sinh năm 1967; bà Vũ Thị Ch, sinh năm 1966; bà Vũ Thị Gi sinh năm 1973.

Quá trình chung sống trước đây, bố mẹ bà B sinh sống tại xã X. V, huyện Y. S, tỉnh Tuyên Quang. Anh, chị, em bà B sinh sống cùng bố mẹ là ông M và bà C, sau đó lần lượt các con đi xây dựng gia đình ra ở riêng. Khi các con trai xây dựng gia đình bố mẹ bà đều mua nhà cửa cho các con ra ở riêng và có cuộc sống độc lập và ổn định. Đến năm 1994 bố mẹ bà nhượng nhà và đất tại xã X. V và mua đất ở tổ 2 phường N. T, thành phố T. Q, nay là tổ dân phố 10, phường N. T, tỉnh Tuyên Quang. Khi về ở cùng bố mẹ, có hai chị em tôi là Vũ Đình Kh và Vũ Thị Gi ở cùng, sau này hai chị em tôi đi lấy chồng và xây dựng gia đình riêng còn bố mẹ tôi ở trên diện tích đất này đến khi chết.

Năm 2022 bố bà B là ông Vũ Đình M chết, nhưng không để lại di chúc, năm 2000 mẹ bà là bà Vũ Thị C chết không để lại di chúc nên toàn bộ khối tài sản của bố mẹ bà để lại là di sản thừa kế chưa chia. Di sản của bố mẹ bà B để lại bao gồm: Diện tích đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm là 2.221,2m². Trong đó đất ở đô thị là 400m²; đất trồng cây lâu năm là 1821,4m², tại thửa số 104; tờ bản đồ số 32, Địa chỉ thửa đất tổ 19, phường N. T, thị xã T. Q nay là tổ 02, phường N. T, thành phố T. Q đã được UBND thành phố T. Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01 tháng 10 năm 2010, số vào sổ CH 000014/NT mang tên ông Vũ Đình M.

Khi bố bà còn sống, cháu Vũ Văn H là con trai ông Vũ Đình X lấy vợ, người ở N. T, cùng xã với bố tôi vì chưa có chỗ ở và muốn lập nghiệp ở thành phố nên ông Vũ Đình X là bố đẻ của cháu Vũ Văn H đã xin bố tôi cho cháu ở cùng, bố tôi nhất trí cho ở cùng nhưng sinh hoạt và ăn riêng. Bà B vẫn thường xuyên qua lại để chăm sóc ông M, bản thân bà đã ly hôn chồng, không có nhà ở ổn định lại hay ốm đau bệnh tật nên bố bà muốn cho bà toàn bộ đất và tài sản trên và đã ra phòng công chứng để tặng cho toàn bộ tài sản này cho bà. Nhưng vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chữ họ và mẹ bà B đã chết năm 2000, nên phải có mặt tất cả các con trong gia đình để cùng ký. Bố bà B có gọi các con về để làm thủ tục chuyển sang tên cho bà, ông X vì muốn giữ đất cho con trai là cháu Vũ Văn H không nhất trí, nên bố bà không chuyển sang tên của bà B được.

Năm 2022 bố bà B chết, tất cả anh chị em trong gia đình đã họp đã thống nhất cho bà một miếng đất của bố mẹ để làm nhà, nhưng ông X và anh H không nhất trí, ông X quay ra chửi bới đánh đuổi bà B, nói là nhà này không được chia cho ai, anh H cầm dao đe dọa nếu ai vào đây tôi sẽ chém chết. Vào ngày rằm

hàng tuần bà và bà Gi, hai chị em vào thắp hương cho gia tiên và cho ông M lúc đó không có ai ở nhà. Khi biết chị em bà đến, anh H đã đe dọa sẽ chém từng người một và cấm từ nay không được đến nhà. Bà B xác định tài sản bà yêu cầu chia di sản là tài sản của bố mẹ bà để lại, anh Vũ Văn H chỉ là con trai của ông Vũ Đình X muốn chiếm giữ riêng, không muốn chia cho ai và cũng không cho chị em bà vào nhà để thắp hương cho ông M bà C là vi phạm pháp luật. Vì vậy bà đề nghị chia di sản thừa kế của bố mẹ bà để lại theo quy định pháp luật.

Hiện nay những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M và bà C gồm: Vũ Đình N, sinh năm 1952 đã chết năm 1987 có con trai là Vũ Đình L sinh năm 1982; bà Vũ Thị B, sinh năm 1958; bà Vũ Thị Q, sinh năm 1958; ông Vũ Đình X, sinh năm 1960; ông Vũ Đình Nh, sinh năm 1962; ông Vũ Đình Kh, sinh năm 1967; bà Vũ Thị Ch, sinh năm 1966; bà Vũ Thị Gi sinh năm 1973.

Bà đề nghị chia di sản thừa kế cho tất cả các đồng thừa kế của ông Vũ Đình M và bà Vũ Thị C theo quy định pháp luật cụ thể là chia bằng hiện vật là đất đai, phần của bà được hưởng khoảng 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*)

Tại phiên toà bà Vũ Thị B vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

- Đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của ông Vũ Đình M và bà Vũ Thị C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Vũ Đình M là: Diện tích đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm là 2.221,2m². Trong đó đất ở đô thị là 400m²; đất trồng cây lâu năm là 1821,4m², tại thửa số 104; tờ bản đồ số 32, Địa chỉ thửa đất tổ 19, phường N. T, thị xã T. Q nay là tổ 02, phường N. T, thành phố T. Q đã được UBND thành phố T. Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01 tháng 10 năm 2010, số vào sổ CH 000014/NT mang tên ông Vũ Đình M để lại cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Vũ Đình N, sinh năm 1952 đã chết năm 1987 có con trai là anh Vũ Đình L sinh năm 1982; bà Vũ Thị B, sinh năm 1958; bà Vũ Thị Q, sinh năm 1958; ông Vũ Đình X, sinh năm 1960; ông Vũ Đình Nh, sinh năm 1962; ông Vũ Đình Kh, sinh năm 1967; bà Vũ Thị Ch, sinh năm 1966; bà Vũ Thị Gi sinh năm 1973.

Tuy nhiên khi Hội đồng thẩm định, thì diện tích đất trên đã biến động nhiều không còn đủ diện tích theo GCNQSDĐ ông Vũ Đình M đã được cấp, do vậy khi công bố sơ đồ đo vẽ khi thẩm định thực tế bà không có ý kiến gì.

- Bà đề nghị Toà án chia cho các hàng thừa kế bằng hiện vật là đất đai vì diện tích đất của bố đẻ của chúng tôi để lại rất rộng đủ để chia đều cho các con. Phần 4 người (B, Nh, Q, Gi) bà đề nghị chia chung 1 diện tích đất, sau này bốn người tự phân chia sau.

- Đề nghị Toà án chia phần của tôi được hưởng trị giá khoảng 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Tại biên bản lấy lời khai; biên bản hòa giải; quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vũ Văn H trình bày: Anh là con trai ông Vũ Đình X, ông Vũ Đình X là con trai thứ của ông Vũ Đình M và bà Vũ Thị C.

Năm 1994 anh từ xóm 13, xã T. L, huyện Y. S chuyển về và nhập vào nhà ông Vũ Đình M. Ông Vũ Đình M là ông nội của anh ở tổ 11, phường N. T, thành phố T. Q để sống và chăm sóc ông.

Đến năm 2022 do tuổi già sức yếu nên ông M đã không qua khỏi và không kịp để lại di chúc cho tôi, nhưng ông có để lại di nguyện khi ông ốm cũng là di chúc cuối đời của ông, là video anh đã quay và lưu lại, đoạn video anh quay khi ông còn tỉnh táo. Theo di nguyện của ông là cho con gái là bà Vũ Thị B một mảnh đất rộng 5m, dài 20 m, cho tôi một mảnh 10 m là ngôi nhà hiện nay tôi đang ở, cho em trai tôi là cháu nội của ông là Vũ Văn Duy một mảnh đất rộng 10m, dài 20 m.

Trong thời gian ông bị ốm, bà B đã nhiều lần vào đề nghị đòi ông chia phần đất của bà tôi là vợ ông Vũ Đình M và dọa dẫm sẽ kiện ông ra toà đòi chia tài sản nhưng không thành. Sau đó đã nhiều lần dẫn người vào xem mua đất. Anh đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

Tại phiên toà anh Vũ Văn H vắng mặt không có lí do, HĐXX xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt các đương sự anh Vũ Đình L, bà Vũ Thị B, bà Vũ Thị Q, ông Vũ Đình Nh, ông Vũ Đình Kh, bà Vũ Thị Ch, bà Vũ Thị Gi sinh năm 1973 cùng thống nhất trình bày: Bố các ông, bà là ông Vũ Đình M, sinh năm 1925, đã chết năm 2022 đăng ký khai tử số 10, ngày 21/02/2022 tại UBND xã T. L, huyện Y. S, tỉnh Tuyên Quang. Mẹ các ông, bà là Vũ Thị C, sinh năm 1926 chết năm 2000 đăng ký khai tử số 65, ngày 05 tháng 6 năm 2023 tại UBND phường N. T, thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang

Ông Vũ Đình M và bà Vũ Thị C sinh được tổng cộng 08 người con gồm: Vũ Đình N, sinh năm 1952 đã chết năm 1987 có con trai là Vũ Đình L sinh năm 1982; bà Vũ Thị B, sinh năm 1958; bà Vũ Thị Q, sinh năm 1958; ông Vũ Đình X, sinh năm 1960; ông Vũ Đình Nh, sinh năm 1962; ông Vũ Đình Kh, sinh năm 1967; bà Vũ Thị Ch, sinh năm 1966; bà Vũ Thị Gi sinh năm 1973.

Quá trình chung sống trước đây bố mẹ tôi sinh sống tại xã X. V, huyện Y. S, anh chị em chúng tôi cùng sinh sống cùng bố mẹ sau đó lần lượt các con đi xây dựng gia đình ra ở riêng, khi các con trai xây dựng gia đình bố mẹ tôi đều mua nhà cửa cho các con ra ở riêng và có cuộc sống độc lập và ổn định. Đến năm 1994 bố mẹ tôi chuyển nhượng nhà và đất tại xã X. V và mua đất ở tổ 2, phường N. T, thành phố T. Q, nay là tổ dân phố 10 phường N. T, tỉnh Tuyên Quang, khi về ở cùng bố mẹ có hai chị em tôi là Vũ Đình Kh và Vũ Thị Gi ở

cùng, sau này chúng tôi lập và xây dựng gia đình riêng còn bố mẹ tôi ở trên diện tích đất này đến khi chết.

Năm 2022 bố tôi ông Vũ Đình M chết nhưng không để lại di chúc, năm 2000 mẹ tôi bà Vũ Thị C chết không để lại di chúc nên toàn bộ khối tài sản của bố mẹ bà để lại là di sản thừa kế chưa chia. Di sản của bố mẹ chúng tôi để lại bao gồm: Diện tích đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm là 2221,2m². Trong đó đất ở đô thị là 400m²; đất trồng cây lâu năm là 1821,4m², tại thửa số 104; tờ bản đồ số 32, Địa chỉ thửa đất tổ 19, phường N. T, thị xã T. Q nay là tổ 02, phường N. T, thành phố T. Q đã được UBND thành phố T. Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01 tháng 10 năm 2010, số vào sổ CH 000014/NT mang tên ông Vũ Đình M.

Khi bố tôi còn sống cháu Vũ Văn H là con trai ông Vũ Đình X lấy vợ, người ở N. T cũng xã với bố tôi. Vì chưa có chỗ ở và muốn lập nghiệp ở thành phố, nên ông Vũ Đình X là bố đẻ của cháu Vũ Văn H đã xin bố tôi cho cháu ở cùng, bố tôi nhất trí cho ở cùng nhưng sinh hoạt và ăn riêng. Tôi vẫn thường xuyên qua lại để chăm sóc bố tôi, bản thân tôi đã ly hôn chồng, không có nhà ở ổn định lại hay ốm đau bệnh tật nên bố tôi muốn cho tôi toàn bộ đất và tài sản trên và đã ra phòng công chứng để tặng cho toàn bộ tài sản này cho tôi nhưng vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chữ họ và mẹ tôi đã chết năm 2000 nên phải có mặt tất cả các con trong gia đình để cùng ký. Bố tôi có gọi các con về để làm thủ tục chuyển sang tên cho tôi, anh X vì muốn giữ đất cho con trai là cháu Vũ Văn H không nhất trí nên bố tôi không chuyển sang tên của tôi được.

Năm 2022 bố tôi chết, tất cả anh chị em trong gia đình tôi đã họp đã thống nhất cho tôi một miếng đất của bố mẹ để làm nhà nhưng anh X và cháu H không nhất trí, anh X quay ra chửi bới đánh đuổi tôi nói là nhà này không được chia cho ai, cháu H cầm dao đe dọa nếu ai vào đây tôi sẽ chém chết. Vào ngày rằm hàng tuần tôi và chị Gi hai chị em vào thắp hương cho gia tiên và cho bố lúc đó không có ai ở nhà khi biết chị em tôi đến cháu H đã đe dọa sẽ chém từng người một và cấm chúng tôi từ nay không được đến nhà. Tôi xác định, tài sản tôi yêu cầu chia di sản là tài sản của bố mẹ tôi để lại, cháu Vũ Văn H chỉ là con trai của anh Vũ Đình X muốn chiếm giữ riêng, không muốn chia cho ai và cũng không cho chúng tôi vào nhà để thắp hương cho bố mẹ là vi phạm pháp luật. Vì vậy, tôi đề nghị chia di sản thừa kế của bố mẹ tôi để lại theo quy định pháp luật.

Hiện nay những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M và bà C gồm: ông Vũ Đình N, sinh năm 1952 đã chết năm 1987 có con trai là Vũ Đình L sinh năm 1982; bà Vũ Thị B, sinh năm 1958; bà Vũ Thị Q, sinh năm 1958; ông Vũ Đình X, sinh năm 1960; ông Vũ Đình Nh, sinh năm 1962; ông Vũ Đình Kh, sinh năm 1967; bà Vũ Thị Ch, sinh năm 1966; bà Vũ Thị Gi sinh năm 1973.

Tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ông Vũ Đình X đề nghị: yêu cầu chia di sản của bố mẹ chúng tôi để lại bao gồm: Diện tích đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm là 2.221,2m². Trong đó đất ở đô thị là

400m²; đất trồng cây lâu năm là 1.821,4m², tại thửa số 104; tờ bản đồ số 32, Địa chỉ thửa đất tổ 19, phường N. T, thị xã T. Q nay là tổ 02, phường N. T, thành phố T. Q đã được UBND thành phố T. Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01 tháng 10 năm 2010, số vào sổ CH 000014/NT mang tên ông Vũ Đình M. Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo đúng quy định của pháp luật cụ thể là chia bằng hiện vật là đất đai vì diện tích đất của ông Vũ Đình M rất rộng vì vậy đề nghị toà án chia đều cho các con theo hàng thừa kế.

Tại phiên toà các đương sự vắng mặt không có văn bản thay đổi ý kiến nên giữ nguyên ý kiến:

- Tòa án xác minh tại UBND phường N. T, tỉnh Tuyên Quang thể hiện: Diện tích đất hiện nay đang có tranh chấp chia thừa kế theo sổ mục kê đất, quyền số 01 ngày 18 tháng 12 năm 1997 xã N. T, thị xã T. Q, tỉnh Tuyên Quang nay là UBND phường N. T, tỉnh Tuyên Quang, thể hiện tại trang 145, tờ bản đồ số 32, thửa số 104 ghi tên chủ sử dụng đất Vũ Đình M diện tích 2.290m² chia ra các loại đất.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; hòa giải không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm 203/2025/DS-ST, ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang. Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 155, 157, 158, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 609, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 4, 5, 12, 101, 166, 203 Luật Đất đai 2013; Điều 26 Luật Đất đai 2024;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị B *Chia thừa kế đối với di sản thừa kế là diện tích đất:*

Mỗi đồng thừa kế được hưởng 1/8 diện tích đất thực tế (theo sơ đồ đo vẽ kèm theo) Diện tích và vị trí được đánh số từ S1 đến S8 tương ứng với từng người;

S1 Vũ Thị B là 221,3m²

S2 Vũ Đình Nh là 221,2m²

S3 Vũ Đình Kh là 221,2m²

S4 Vũ Thị Gi là 221,2m²

S5 Vũ Đình N (Vũ Đình L kế vị) là 221,3m²

S6 Vũ Thị Q là 221,3m²

S7 Vũ Đình X là 221,2m²

S8 Vũ Thị Ch là 221,2m²

Trong diện tích đất được chia có 50m² đất ở còn lại là đất trồng cây lâu năm kèm theo cây trồng trên đất.

Diện tích đất bao gồm:

S1 Vũ Thị B

S2 Vũ Đình Nh

S3 Vũ Đình Kh

S4 Vũ Thị Gi

Được chia và giao chung cho bà Vũ Thị B quản lý sử dụng các đương sự tự chia sau.

2. Chia thừa kế đối với tài sản trên đất:

Tổng tài sản trên đất là: 71.494.799 đồng tài sản này trên phần đất của bà B, ông Nh, ông Kh, bà Gi được hưởng. Những người này phải liên đới trả tiền chênh lệch tài sản cho các đồng thừa kế còn lại là: Anh L, bà Q, ông X, bà Ch mỗi người là 8.936.849 đồng.

[10]. Về chi phí tố tụng:

Anh Vũ Đình L, bà Vũ Thị Q, ông Vũ Đình X, ông Vũ Đình Nh, ông Vũ Đình Kh, bà Vũ Thị Ch, bà Vũ Thị Gi, mỗi người phải hoàn trả lại cho bà B 2.500.000đ

7. Về án phí:

- Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự có giá ngạch cho bà Vũ Thị B; anh Vũ Đình L, bà Vũ Thị Q, ông Vũ Đình X, ông Vũ Đình Nh và ông Vũ Đình Kh.

Bà Vũ Thị Ch, bà Vũ Thị Gi mỗi người phải chịu 2.308.160đ (Hai triệu ba trăm linh tám nghìn một trăm sáu mươi đồng)

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Tòa án nhận đơn kháng cáo của bị đơn anh Vũ Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Q, bà Vũ Thị Ch, ông Vũ Đình X kháng cáo đối với Bản án số 203/2025 DS-ST, ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang.

Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo, kháng nghị bao gồm:

1. Bị đơn anh Vũ Văn H kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, vì Tòa án cấp sơ thẩm đã có nhiều vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và chưa đánh giá khách quan, toàn diện chứng cứ, công sức đóng góp của ông trong khối di sản. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm:

- Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 203/2025 DS-ST, ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang

- Nếu Tòa phúc thẩm xem xét nội dung vụ án, đề nghị: - Công nhận công sức đóng góp, tạo lập tài sản của ông và ông Vũ Đình X; Giao căn nhà và phần đất có căn nhà cho bố tôi (ông Vũ Đình X) và (Vũ Văn H) quản lý, sử dụng làm nơi thờ cúng. Các đồng thừa kế khác được chia phần giá trị tương ứng, phù hợp với công sức, hoàn cảnh thực tế.

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Q, bà Vũ Thị Ch, ông Vũ Đình X cùng nội dung kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 203/2025 DS-ST, ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang vì bản án chưa phản ánh đúng bản chất vụ việc, có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và áp dụng pháp luật chưa đúng. Vi phạm thủ tục tố tụng: Khi xét xử Tòa án không triệu tập hợp lệ những người tham gia phiên toà, nhưng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người liên quan, việc đánh giá chứng cứ và thu thập tài liệu của Tòa án cấp sơ thẩm thu thập, xác minh chứng cứ rất sơ sài, chủ yếu dựa vào lời trình bày một phía của nguyên đơn; chưa tiến hành thẩm định hiện trạng tài sản, xác minh công sức bảo quản di sản và quá trình quản lý, sử dụng di sản của bố con ông X để quyết định giao cho những đồng thừa kế phần đất phía sau không có đường vào và không hề tính đến công sức đóng góp, xây dựng, duy trì, quản lý khối di sản của ông X và cháu H là thiếu khách quan, chưa làm rõ đầy đủ bản chất vụ án, dẫn đến nhận định sai lệch về quan hệ thừa kế và quyền của các đồng thừa kế. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm:

- Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 203/2025 DS-ST, ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang, để xét xử lại theo đúng quy định pháp luật; Khi xét xử lại, đề nghị triệu tập đầy đủ các đương sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, làm rõ quyền, nghĩa vụ của người quản lý di sản (anh Vũ Văn H) và xác minh toàn diện về nguồn gốc, công sức bảo quản di sản, để đảm bảo việc giải quyết khách quan, toàn diện, đúng pháp luật.

- Nếu Tòa phúc thẩm xem xét nội dung vụ án, đề nghị: Công nhận công sức đóng góp, tạo lập tài sản của ông X và anh Vũ Văn H; Giao căn nhà và phần đất có căn nhà cho ông X và anh Vũ Văn H quản lý, sử dụng làm nơi thờ cúng; Các đồng thừa kế khác được chia phần giá trị tương ứng, phù hợp với công sức, hoàn cảnh thực tế.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi liên quan thống nhất thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX chia thừa kế diện tích đất tranh chấp làm 9 suất, trong đó thừa thứ 01 có ngôi nhà đã xây dựng kết cấu ổn định chia cho ông X là con trai cụ Vũ Đình M, Vũ Thị C và anh H là cháu nội cụ M, cụ C vì anh H ở với ông nội từ nhỏ, khi lớn lên có công sức xây dựng, trông nom nhà cửa đất đai và ngôi nhà này hiện đang thờ cúng cụ M và cụ C. Ông X và anh H thoả thuận suất có ngôi nhà này để cho anh H đứng tên chủ

sử dụng và có nghĩa vụ kê khai để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, suất đất và ngôi nhà này là gộp hai suất thành thửa số 1, còn lại từ thửa thứ 2 đến thửa thứ 8 các đương sự thỏa thuận từng người đứng tên cụ thể: Bà Vũ Thị B đứng tên thửa thứ 2, bà Vũ Thị Gi đứng tên thửa số 3, ông Vũ Đình Kh đứng tên thửa thứ 4, ông Vũ Đình Nh đứng tên thửa số 5, anh Vũ Đình L đứng tên thửa thứ 6, bà Vũ Thị Ch đứng tên thửa số 7, bà Vũ Thị Q đứng tên thửa số 8; đồng thời các đương sự thỏa thuận mở một con đường có chiều rộng 3,5m làm lối đi chung vào thửa đất chia thửa kể là thửa thứ 9, diện tích đất làm đường không ai được kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà dùng để làm lối đi chung, quá trình sử dụng đất không ai được cản trở việc sử dụng con đường đi chung.

Các đương sự thỏa thuận trong mỗi thửa đất được hưởng thửa kể trừ thửa đất số 9 làm con đường đi chung thì mỗi thửa có 50m² đất thổ cư; giá trị đất đã được cấp sơ thẩm định giá các đương sự nhất trí không yêu cầu định giá lại. Hình dạng và diện tích các thửa đất đã được thể hiện chi tiết trong mảnh trích đo do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường đo đạc và biên tập kèm theo bản án để làm căn cứ sử dụng đất, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự được chia trong bản án. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ Vũ Đình M nay các đương sự xác định đã được chia thừa kế, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có ai yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các đương sự đều xác định khi đã thỏa thuận chia diện tích đất thừa kế giấy chứng nhận không còn giá trị sử dụng, bà B hiện đang giữ có nghĩa vụ nộp lại khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

Đối với công trình vật kiến trúc trên đất gồm nhà cấp 4, bếp, bán mái nằm trên thửa đất chia thừa kế thuộc ô số 1 các đương sự cùng thống nhất giao cho anh Vũ Văn H được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt.

Đối với toàn bộ cây trồng trên đất các đương sự cùng thống nhất cây nằm trên phần di sản của ai được hưởng thì người đó có quyền quản lý, sử dụng, định đoạt và không phải trả giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác; các bên phải chịu án phí như nhau đối với phần di sản này. Các đương sự cũng nhất trí thỏa thuận về việc chi phí thẩm định đã được thanh toán xong các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết chia phần tiền chi phí tố tụng; về án phí các đương sự nhất trí chịu án phí phần tài sản được hưởng, về lối đi chung là tài sản chung nên các đương sự cùng được hưởng và cùng phải chịu án phí như nhau theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Tại cấp phúc thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72; của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung kháng cáo của các đương sự: Việc các đương sự cho rằng không nhận được giấy triệu tập tại cấp sơ thẩm là có cơ sở vì: Ngày 07/8/2025, Tòa án khu vực 1 ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12, theo đó vụ án được xét xử vào 08h00' ngày 26/8/2025; tại phiên tòa ngày 26/8/2025 có mặt nguyên đơn bà B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ch, ông Nh, bà Gi. Bị đơn anh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt, HĐXX ra quyết định hoãn phiên tòa số 28, thời gian mở lại phiên tòa vào 08h00' ngày 15/9/2025. Ngày 29/8/2025 bị đơn H, người liên quan Nh nhận được quyết định hoãn phiên tòa số 28 trên. Tại phiên tòa ngày 15/9/2025, nguyên đơn bà B và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nh, ông Kh, Anh L, bà Gi có mặt, bị đơn Hiền và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt, nên HĐXX ra quyết định hoãn phiên tòa số 47, thời gian mở lại phiên tòa vào 14h00' ngày 29/9/2025. Tài liệu trong hồ sơ thể hiện bị đơn H đã nhận được quyết định hoãn phiên tòa số 47, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Q, bà Ch, ông X không có mặt tại phiên tòa, trong hồ sơ không có tài liệu thể hiện Tòa án đã giao hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa số 47 cho các đương sự, dẫn đến các đương sự vắng mặt tại phiên tòa ngày 29, 30/9/2025. Như vậy phiên tòa ngày 29/9/2025, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, HĐXX vẫn tiến hành xét xử là chưa thực hiện đúng các quy định tại Chương X của BLTTDS, làm ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của các đương sự;

Về xác định di giá trị tài sản tranh chấp, di sản thừa kế: Bản án sơ thẩm nhận định toàn bộ diện tích đất 2221.4m² là di sản của 02 cụ M và cụ C là chưa chính xác theo kết quả thẩm định tại chỗ (1.769,9m²) và chia diện tích đất cho các đương sự không ghi cụ thể tứ cận, các cạnh tiếp giáp, không ghi giá trị đất để làm căn cứ tính án phí cho các đương sự là thiếu sót; Anh Vũ Đình L, sinh năm 1982 là người thừa kế thế vị được hưởng một phần di sản thừa kế của 2 cụ M và cụ C không thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm quyết định miễn tiền án phí có giá ngành cho Anh L với lý do người thừa kế là ông Vũ Đình N không chính xác vì ông N đã chết không phải là đương sự trong vụ án.

Khi giải quyết nội dung vụ án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào mảnh trích đo do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường thuộc sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang đề căn chia cho các đồng thừa kế, trong đó một số ô đất các đồng thừa kế được chia theo bản án không có đường vào không khả thi về thi hành án; cấp sơ thẩm đã xử cắt chia đôi ngôi nhà cấp 4 trên đất ảnh hưởng kết cấu sử dụng của ngôi nhà; người sử dụng đất là cháu của người để lại di sản đã sống cùng người để lại di sản từ nhỏ, đồng thời đã xây dựng lên ngôi nhà, có

công quản lý, trông coi di sản của người chết để lại nhưng cấp sơ thẩm không xem xét đến là không đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Những vi phạm nêu trên của cấp sơ thẩm là nghiêm trọng, nhưng do tại cấp phúc thẩm các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, quyền lợi của các đương sự đã được đảm bảo nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 300; khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 203/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang theo hướng công nhận sự thoả thuận của các đương sự và xác định lại số tiền án phí sơ thẩm theo giá trị tài sản các đương sự được hưởng thừa kế (đối với trường hợp không được miễn án phí).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn anh Vũ Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Q, bà Vũ Thị Ch, ông Vũ Đình X là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn anh Vũ Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Q, bà Vũ Thị Ch, ông Vũ Đình X hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm các đương sự gồm nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thống nhất thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án cụ thể:

Đối với di sản thừa kế là diện tích đất 1.769,9m² tại thửa đất số 104 tờ bản đồ 32; địa chỉ: Tổ 19, phường N. T, tỉnh Tuyên Quang trong đó có 400m² đất ở và 1.369,9m² đất trồng cây lâu năm đã được Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường đo đạc ngoài thực địa và biên tập thành mảnh trích đo ngày 18 tháng 3 năm 2026 các đương sự thống nhất đề nghị HĐXX công nhận chia thừa kế diện tích đất tranh chấp làm 9 thửa, trong đó thửa số 01 có ngôi nhà đã xây dựng kết cấu ổn định chia cho ông X là con trai cụ Vũ Đình M và anh H là cháu nội cụ Vũ Đình M vì anh H ở với ông nội từ nhỏ, khi lớn lên có công sức xây dựng, trông nom nhà cửa đất đai và ngôi nhà này hiện đang thờ cúng cụ Vũ Đình M. Ông X và anh H thoả thuận thửa đất có ngôi nhà này để cho anh H đứng tên chủ sử dụng và có nghĩa vụ kê khai để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, còn lại từ thửa số 2 đến thửa số 8 các đương sự thoả thuận từng người đứng tên cụ thể: Bà Vũ Thị B đứng tên thửa số 2, bà Vũ Thị Gi đứng tên thửa số 3, ông Vũ Đình Kh đứng tên thửa số 4, ông Vũ Đình Nh đứng tên thửa số 5 anh

Vũ Đình L đứng tên thửa số 6, bà Vũ Thị Ch đứng tên thửa số 7; bà Vũ Thị Q đứng tên thửa số 8; đối với thửa số 9 diện tích 167m^2 các đương sự thỏa thuận sử dụng để làm lối đi chung vào các thửa đất chia thừa kế, diện tích đất làm đường không ai được kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình sử dụng đất không ai được cản trở việc sử dụng con đường đi chung. Các đương sự thỏa thuận trong mỗi suất đất được hưởng thừa kế, trừ thửa làm con đường đi chung thì mỗi thửa có 50m^2 đất thổ cư.

Các đương sự nhất trí về giá trị quyền sử dụng đất $1.769,9\text{m}^2$ tại thửa đất số 104 tờ bản đồ 32; địa chỉ: Tổ 19, phường N. T, tỉnh Tuyên Quang theo giá do Hội đồng định giá cấp sơ thẩm đã định giá cụ thể: 400m^2 đất ở có giá là 800.000 đồng/ $\text{m}^2 = 320.000.000$ đồng, $1.369,9\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm có giá là 36.000 đồng/ $\text{m}^2 = 49.316.400$ đồng. Như vậy tổng giá trị quyền sử dụng đất là 369.316.400 đồng.

Đối với vật kiến trúc trên đất gồm (Nhà ở cấp 4, Bếp, Bán mái...) được định giá là 71.494.799 đồng; các đương sự tự nguyện thỏa thuận và cùng cùng thống nhất để cho ông X và anh H là người tiếp tục quản lý sử dụng toàn bộ công trình vật kiến trúc trên đất nằm trong thửa số 1 theo Mạnh trích đo hiện trạng thửa đất do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường biên tập ngày 18/3/2026.

Đối với toàn bộ cây trồng trên đất được định giá là 44.254.000 đồng các đương sự cùng nhau thống nhất cây trồng trên đất thuộc phần di sản thừa kế của ai được hưởng thì người đó được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt và không phải trả giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác đồng thời cũng xác định nghĩa vụ chịu án phí đối với phần di sản thừa kế là cây trồng trên đất được chia đều cho 9 người được hưởng thừa kế.

Đối với quyền sử dụng đất sử dụng làm lối đi chung vào các thửa đất chia thừa kế trị giá là 6.012.000 đồng, chia làm 9 suất, mỗi suất trị giá 668.000 đồng được cộng vào giá trị tài sản thừa kế của từng người được hưởng và phải chịu án phí tương ứng theo quy định của pháp luật.

Hình thể và diện tích các thửa đất đã được Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường đo đạc và biên tập thành mảnh trích đo ngày 18 tháng 3 năm 2026 kèm theo bản án để làm căn cứ sử dụng đất, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự được chia trong bản án.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ Vũ Đình M, nay các đương sự xác định đã được chia thừa kế, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có ai yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các đương sự đều xác định khi đã thỏa thuận chia diện tích đất thừa kế giấy chứng nhận không còn giá trị sử dụng, bà B hiện đang giữ có nghĩa vụ nộp lại khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. Các đương sự thỏa thuận trong mỗi suất đất được hưởng thừa kế, trừ thửa số 9 để làm con đường đi chung thì mỗi suất có 50m^2 đất thổ cư.

Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án đã có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng; về nội dung giải quyết vụ án không đảm bảo quyền lợi cho các đương sự; những thiếu sót của cấp sơ thẩm đã được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang nhận định nêu trên là đúng. Tuy nhiên do tại cấp phúc thẩm các đương sự đã thống nhất, thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận. Việc thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, đồng thời đảm bảo quyền lợi của các đương sự, nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải huỷ án sơ thẩm mà căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thoả thuận của các đương sự như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[2.] Về chi phí tố tụng: Bà B và anh H đã nộp đủ chi phí tố tụng; các đương sự tự thoả thuận việc thanh toán chi phí tố tụng, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết nội dung này.

[3.] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự không thuộc trường hợp được miễn án phí phải chịu án tương ứng với giá trị phần di sản được hưởng.

Giá trị quyền sử dụng đất sử dụng làm lối đi chung vào các thửa đất chia thừa kế là 6.012.000 đồng. Giá trị đất lối đi chung được chia làm 9 suất cộng vào giá trị tài sản thừa kế mà các đương sự được hưởng và tính án phí tương ứng theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó những đương sự kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm, nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Vũ Thị Q, bà Vũ Thị Ch, ông Vũ Đình X là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm. Anh Vũ Văn H phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 203/2025 DS-ST, ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang.

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

1.1 Anh Vũ Văn H được quyền sử dụng diện tích 420,2m² đất; trong đó 50m² đất thổ cư, 370,2m² đất trồng cây lâu năm và toàn bộ công trình vật kiến

trúc, cây trồng trên đất ở thửa số 1; được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,27,28,1. Giá trị kỷ phần di sản thừa kế ông Vũ Đình X và anh Vũ Văn H được hưởng là 135.992.221đ (*Một trăm ba mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi một đồng*). Trong đó có $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản ông X được hưởng là 67.996.110đ (*Sáu mươi bảy triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn một trăm mười đồng*) nhưng tự nguyện nhường cho anh H, giá trị tài sản anh H được hưởng là 67.996.110đ (*Sáu mươi bảy triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn một trăm mười đồng*).

1.2 Bà Vũ Thị B được quyền sử dụng diện tích 189,1m² đất; trong đó có 50m² đất thổ cư; 139,1m² đất trồng cây lâu năm và toàn bộ cây trồng, tài sản trên đất ở thửa số 2; được giới hạn bởi các điểm 4,5,6,29,25,26,27,4. Giá trị kỷ phần di sản thừa kế bà B được hưởng là 50.592.711đ (*Năm mươi triệu năm trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm mười một đồng*).

1.3 Bà Vũ Thị Gi được quyền sử dụng diện tích 188,0m² đất; trong đó có 50m² đất thổ cư; 138m² đất trồng cây lâu năm và toàn bộ cây trồng, tài sản trên đất ở thửa số 3; được giới hạn bởi các điểm 6,7,30,29,6. Giá trị kỷ phần di sản thừa kế bà B được hưởng là 50.553.111đ (*Năm mươi triệu năm trăm năm mươi ba nghìn một trăm mười một đồng*).

1.4 Ông Vũ Đình Kh được quyền sử dụng diện tích 179,6m² đất; trong đó có 50m² đất thổ cư; 129,6m² đất trồng cây lâu năm và toàn bộ cây trồng, tài sản trên đất ở thửa số 4; được giới hạn bởi các điểm 7,8,9,32,31,30,7. Giá trị kỷ phần di sản thừa kế ông Kh được hưởng là 50.250.711đ (*Năm mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn bảy trăm mười một đồng*).

1.5 Ông Vũ Đình Nh được quyền sử dụng diện tích 181,3m² đất; trong đó có 50m² đất thổ cư; 131,3m² đất trồng cây lâu năm và toàn bộ cây trồng, tài sản trên đất ở thửa số 5; được giới hạn bởi các điểm 9,10,11,35,34,33,32,9. Giá trị kỷ phần di sản thừa kế ông Nh được hưởng là 50.311.911đ (*Năm mươi triệu ba trăm mười một nghìn chín trăm mười một đồng*).

1.6 Ông Vũ Đình N (anh Vũ Đình L kế vị) được quyền sử dụng diện tích 145,8m² đất; trong đó có 50m² đất thổ cư; 95,8m² đất trồng cây lâu năm và toàn bộ cây trồng, tài sản trên đất ở thửa số 6; được giới hạn bởi các điểm 11,12,13,36,35,11. Giá trị kỷ phần di sản thừa kế Anh L được hưởng 49.033.911đ (*Bốn mươi chín triệu không trăm ba mươi ba nghìn chín trăm mười một đồng*).

1.7 Bà Vũ Vũ Thị Ch được quyền sử dụng diện tích 147,4m² đất; trong đó có 50m² đất thổ cư; 97,4m² đất trồng cây lâu năm và toàn bộ cây trồng, tài sản trên đất ở thửa số 8; được giới hạn bởi các điểm 14,15,16,39,38, 14. Giá trị kỷ phần di sản thừa kế bà Ch được hưởng là 49.091.111đ (*Bốn mươi chín triệu không trăm chín mươi một nghìn một trăm mười một đồng*).

1.8 Bà Vũ Thị Q được quyền sử dụng diện tích 151,5m² đất; trong đó có 50m² đất thổ cư; 101,5m² đất trồng cây lâu năm và toàn bộ cây trồng, tài sản

trên đất ở thửa số 7; được giới hạn bởi các điểm 13,14,38,37,36,13. Giá trị kỷ phần di sản thừa kế bà Q được hưởng là 49.239.111đ (*Bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi chín nghìn một trăm mười một đồng*).

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước để kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

1.9 Xác định một phần di sản thừa kế để làm lối đi chung vào các thửa đất chia thừa kế ký hiệu thửa số 9, tổng diện tích 167m² chiều rộng 3,5m được giới hạn bởi các điểm khép kín: 24, 25, 29, 30, 31, 33, 34, 35, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24; diện tích đất làm đường không ai được kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà dùng để làm lối đi chung, quá trình sử dụng đất không ai được cản trở việc sử dụng con đường đi chung.

(*Có mảnh trích đo kèm theo*)

2. Về chi phí tố tụng: Các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau và đã thực hiện xong.

3. Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Vũ Thị B, bà Vũ Thị Q, ông Vũ Đình Nh, ông Vũ Đình Kh, ông Vũ Đình X, bà Vũ Thị Ch thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Bà Vũ Thị Gi phải chịu 2.527.656đ (*Hai triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi sáu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Anh Vũ Văn H phải chịu 3.399.806đ (*Ba triệu ba trăm chín mươi chín nghìn tám trăm linh sáu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Anh Vũ Đình L phải chịu 2.451.696đ (*Hai triệu bốn trăm năm mươi một nghìn sáu trăm chín sáu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn anh Vũ Văn H phải 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh H đã nộp theo biên lai thu số 0001148 ngày 03/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Q, bà Vũ Thị Ch, ông Vũ Đình X thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà Vũ Thị Q 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001150 ngày 03/11/2025. Trả lại cho bà Vũ Thị Ch 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001149 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Ông Vũ Đình X đã được Tòa án nhân dân khu vực 1 -Tuyên Quang ra quyết định miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên không xem xét trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho ông X.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 20/3/2026).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND khu vực 1 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu VPTA (HCTP);
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thuỷ